

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 12 năm 2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 618/2020/ HNGĐ-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 919/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thùy T, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phan Vũ N, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Lê Thùy T trình bày tại đơn khởi kiện và phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Vũ N chung sống vợ chồng với nhau năm 2001, không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do không thể hòa hợp về quan điểm sống, bản thân chị và anh N đã tự hàn gắn nhưng không được. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung tên Phan Kim Loán, sinh ngày 17/4/2002 và Phan Kim Vy, sinh ngày 01/7/2004. Khi ly hôn, đối với cháu Loán hiện đã thành niên, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Vy có nguyện vọng sống với chị nên chị yêu cầu nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N.

Về tài sản chung: Chị xác định không có.

Về nợ chung: Chị xác định anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Anh Phan Vũ N trình bày tại bản tự khai như sau:

Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và không có đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của chị T. Quá trình chung sống giữa anh và chị có

mâu thuẫn nhỏ, anh vẫn còn thương vợ thương con. Tuy nhiên, do chị T cương quyết xin ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Phan Kim Loán, sinh ngày 17/4/2002 và Phan Kim Vy, sinh ngày 01/7/2004. Khi ly hôn, đối với cháu Loán hiện đã thành niên, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Vy có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có.

Về nợ chung: Anh xác định anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại.

Đồng thời, do anh bận công việc nên anh xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử và các giai đoạn tố tụng khác tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa chị Lê Thùy Tvà anh Phan Vũ N được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh N có nơi cư trú tại ấp Chánh, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Vũ N có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thùy Tvà anh Phan Vũ N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh N đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống chị T xác định có nhiều mâu thuẫn, do anh N không quan tâm chăm sóc vợ con, mặc dù chị và anh N đã được gia đình hàn gắn, nhưng hiện không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh N xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn. Tuy nhiên, do chị T kiên quyết xin ly hôn nên anh cũng đồng ý. Vì vậy, căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có cơ sở tuyên bố mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung tên Phan Kim Loán, sinh ngày 17/4/2002 và Phan Kim Vy, sinh ngày 01/7/2004. Khi ly hôn, đối với cháu Loán hiện đã thành niên, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Vy có nguyện vọng sống với chị T và hiện chị T và anh N cũng thống nhất giao cháu Vy cho chị T nuôi dưỡng. Cho nên Hội đồng xét xử xét tiếp tục giao cháu Vy cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi cháu Vy: Chị T không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Phan Vũ N vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thùy T và anh Phan Vũ N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: chị Lê Thùy T và anh Phan Vũ N khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thùy T và anh Phan Vũ N là vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung tên Phan Kim Loán, sinh ngày 17/4/2002 và Phan Kim Vy, sinh ngày 01/7/2004. Khi ly hôn, giao Phan Kim Vy cho chị T nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Loán hiện đã thành niên, không đặt ra xem xét.

Anh Phan Vũ N vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Lê Thùy T phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 17/11/2020, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0000220 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đường sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.

Phạm Kim Cương